

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ JÚT
TỈNH ĐẮK NÔNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST.

Ngày 15/03/2024.

*“V/v không công nhận
quan hệ vợ chồng”.*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT, TỈNH ĐẮK NÔNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nông Văn Bào.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thơm và bà Lê Thị Hòa.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Jút.

- *Đại diện VKSND huyện Cư Jút tham gia phiên tòa:* Ông Hoàng Xuân Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 15/03/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông. Tòa án nhân dân huyện Cư Jút mở phiên tòa xét xử công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 182/2023/TLST-HNGĐ ngày 26/10/2023, về việc yêu cầu *“Không công nhận quan hệ vợ chồng”* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/02/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Y, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Thôn 01, xã C, huyện C, tỉnh Đ(có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Bùi Văn K, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Thôn 01, xã C, huyện C, tỉnh Đ (vắng có đơn xin xét xử vắng mặt).

NHẬN THẤY

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa bà Phạm Thị Y trình bày: Bà Phạm Thị Y và ông Bùi Văn K tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1994 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình sống chung vợ, chồng sống hạnh phúc đến năm 2006 thì phát sinh

mâu thuẫn, cãi vã, bất đồng quan điểm. Mặc dù có nhiều mâu thuẫn vợ chồng nhưng vì các con nên bà Y đã cố gắng sống chung với ông K, hy vọng ông K thay đổi, tuy nhiên ông K không thay đổi mà mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên bà Y và ông K đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà Y khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Y và ông K.

Về con chung: Quá trình chung sống bà Phạm Thị Y và ông Bùi Văn K có 03 con chung là Bùi Thị L, sinh ngày 14/02/2003, Bùi Thị A, sinh ngày 17/5/2010 và Bùi Thị D, sinh ngày 22/02/2017.

Cháu Bùi Thị L hiện đã thành niên nên bà Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Yến có nguyện vọng được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 01 con chung là Bùi Thị D cho đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Giao con Bùi Thị A cho ông Kháng tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình làm việc tại Tòa án ông Bùi Văn K trình bày: Ông Bùi Văn K và bà Phạm Thị Y tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1994, tuy nhiên ông K và bà Y không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Ông K và bà Y chung sống hạnh phúc đến năm 2006, sau đó vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, cãi vã, bất đồng quan điểm. Ông K và bà Y đã cố gắng khắc phục mâu thuẫn và duy trì cuộc sống chung nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể khắc phục được, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Ông K và Y đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Giữa ông K và bà Y không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên ông K đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Y về việc không công nhận quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Quá trình chung sống ông K và bà Y có 03 con chung là Bùi Thị L, sinh ngày 14/02/2003, Bùi Thị A, sinh ngày 17/5/2010 và Bùi Thị D, sinh ngày 22/02/2017.

Cháu Bùi Thị L hiện đã thành niên nên ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông K có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Bùi Thị A cho đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu bà Yến cấp dưỡng nuôi con.

Giao con Bùi Thị D cho bà Yến tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng cũng như nội dung vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án và của HĐXX tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

- Về phía người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình; Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt là phù hợp quy định tại Điều 227 của BLTTDS.

- Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Y.

XÉT THẤY

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và việc thẩm tra tại phiên tòa ngày hôm nay, HĐXX nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Bà Phạm Thị Y khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm Thị Y và ông Bùi Văn K. Vì vậy quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp về hôn nhân và gia đình với nội dung *“Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng”* theo quy định tại khoản 7 Điều 28 của BLTTDS.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Y, ông K đều thường trú tại thôn 01, xã C, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Phạm Thị Y và ông Bùi Văn K tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1994 nhưng không có đăng ký kết hôn, không tuân thủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Tại thời điểm bà Y và ông K chung sống cả hai có đủ điều kiện kết hôn theo quy định nhưng không đến UBND xã để đăng ký kết hôn. Như vậy, bà Y và ông K chưa được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định về đăng ký kết hôn.

Đoạn 2 điểm b mục 3 Nghị quyết số: 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội quy định: *“Từ sau ngày 01/01/2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng”*.

Tại Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng...”*.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này...”*.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà Y yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Y và ông K để đảm bảo cuộc sống cho cả hai, nên cần được chấp nhận.

[4]. Về con chung: Bà Phạm Thị Y và ông ông Bùi Văn K có 03 con chung là Bùi Thị L, sinh ngày 14/02/2003, Bùi Thị A, sinh ngày 17/5/2010 và Bùi Thị D, sinh ngày 22/02/2017.

Cháu Bùi Thị L hiện đã thành niên nên bà Y và ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Y có nguyện vọng được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 01 con chung là Bùi Thị D cho đến khi đủ 18 tuổi.

Ông K có nguyện vọng được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 01 con chung là Bùi Thị A cho đến khi đủ 18 tuổi

Bà Y và ông K không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy nguyện vọng nuôi con chung của bà Y và ông K được hai bên thỏa thuận, thống nhất nên cần chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thị Y và ông Bùi Văn K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[6]. Về án phí: Bà Phạm Thị Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 7 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của BLTTDS;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Y.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm Thị Y và ông Bùi Văn K. Quan hệ vợ chồng giữa bà Y và ông K chấm dứt khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Thị D, sinh ngày 22/02/2017 cho bà Phạm Thị Y tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Giao cháu Bùi Thị A, sinh ngày 17/5/2010 cho ông Bùi Văn K tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Bà Phạm Thị Y và ông Bùi Văn K không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thị Y và ông Bùi Văn K không yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ chung nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Buộc bà Phạm Thị Y phải nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà Y đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông theo biên lai số 0000144 ngày 26/10/2023.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Cư Jút;
- CCTHADS huyện Cư Jút;
- UBND xã Cư K'nia;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

NÔNG VĂN BÀO